

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hiền và ông Lê Văn Cương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mạc Văn Hinh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trúc Quỳnh, Kiểm sát viên.

Vào hồi 15 giờ 00 phút ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1995

Hộ khẩu thường trú: thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: thôn H, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Tấn N**, sinh năm 1995

Địa chỉ: thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời khai của đương sự, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hôn nhân:

Nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Tấn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 10 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Trong quá trình chung sống vợ chồng đến tháng 11 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông N thường xuyên uống rượu, gây gổ và đánh đập bà T. Do không chịu đựng nổi nên bà T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột (thôn H, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị) để sinh sống và vợ chồng ly thân hơn 03 năm nay.

Bà T thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, vì vậy làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Tấn N.

2. Về con chung:

Bà T khai vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tấn S, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2017 (hiện đang ở với gia đình ông N tại thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam).

Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra bà T có đưa con chung về nhà cha mẹ ruột để chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng gia đình ông N gây cản trở không cho. Mặc dù nhiều lần bà T có đến nhà ông N (thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam) để đưa con về chăm sóc nuôi dưỡng nhưng gia đình ông N vẫn gây cản trở không cho yêu cầu nuôi con của bà T. Do vậy, khi Tòa án giải quyết ly hôn, nguyện vọng của T xin được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tấn S, không yêu cầu ông N đóng góp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại hồ sơ vụ án thể hiện:* Tòa án nhân dân huyện Đ đã nhiều lần giao giấy triệu tập cho ông Nguyễn Tấn N nhưng ông N không có mặt ở nhà, gia đình cho biết ông N bỏ nhà đi không về và cũng không chịu nhận giấy triệu tập của Tòa án để giao cho ông N. Do vậy, Tòa án đã niêm yết tất cả các văn bản tố tụng đối với ông N theo quy định pháp luật gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo việc công khai chứng cứ; các phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn bà Trần Thị T chấp hành đảm bảo đúng quy định, bị đơn ông Nguyễn Tấn N nhiều lần không chấp hành các thủ tục của Tòa án và ông N vắng mặt tại phiên tòa.

- Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông N.

- Quan hệ con chung: Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho con, đề nghị HĐXX giao cháu Nguyễn Tấn S cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Bà T không yêu cầu ông N đóng góp cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

- Quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị T là nguyên đơn trong vụ án có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Ông Nguyễn Tấn N là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông N cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N là đúng với khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Tấn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 07 tháng 10 năm 2014. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N thường xuyên uống rượu, về nhà gây gổ và dùng bạo lực đánh đập bà T, do không chịu đựng nổi nên bà T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại thôn H, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị để sinh sống. Thực tế giữa bà T và ông N ly thân không còn chung sống với nhau đã hơn 03 năm nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được

nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Mậu thuận vợ chồng xảy ra bà T có đưa con chung về nhà cha mẹ ruột để chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng gia đình ông N cản trở không cho. Mặc dù nhiều lần bà T có đến nhà ông N (thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam) để đưa con về chăm sóc nuôi dưỡng nhưng gia đình ông N vẫn gây cản trở. Bà T có nguyện vọng nuôi con, hiện tại bà T làm công nhân may mặc và thu nhập hằng tháng ổn định, có điều kiện chăm sóc con chung, cháu S còn nhỏ cần được sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ. Mậu thuận vợ chồng xảy ra ông N bỏ mặt không quan tâm gì đến con cái. Căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thiệp không yêu cầu ông Ngọc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 27, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Tấn N.

- **Về con chung:** Giao con chung là Nguyễn Tấn S, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho bà Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi (hiện cháu S đang ở với gia đình ông N tại thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam).

Bà T không yêu cầu ông N đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** (Không yêu cầu giải quyết).

- **Về án phí:** Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu 0003652 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

- **Về quyền kháng cáo:** Bà Trần Thị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Tấn N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

Nơi nhận:

- *Các đương sự;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Tự Soái

